

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bồi thường, hỗ trợ, cho hộ Ông(bà): **Đinh Thị Rư**
Địa điểm: Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TÂY

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư công trình: Khu tái định canh Anh Nhoi 2 thuộc thủy điện Đakđrinh; Hạng mục: Khai hoang đồng ruộng và hệ thống thủy lợi Ra Hân; Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại báo cáo thẩm định số 18/BC-TĐPA ngày 29/01/2015 của phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông(bà): **Đinh Thị Rư**, xã Sơn Long, huyện Sơn Tây để thực hiện công trình: Khu tái định canh Anh Nhoi 2 thuộc thủy điện Đakđrinh; Hạng mục: Khai hoang đồng ruộng và hệ thống thủy lợi Ra Hân; Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây với các nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt: 787,378,800 đồng.

(Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm đồng chẵn)

(Có bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo)

2. Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là: Sau 05 ngày kể từ ngày hộ Ông(bà): **Đinh Thị Rư** nhận được Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được UBND huyện phê duyệt.

3. Thời gian bàn giao mặt bằng chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 2. Quyết định này là căn cứ để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã Sơn Long thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, cho hộ Ông(bà): Đinh Thị Rư và thanh quyết toán kinh phí bồi thường theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Sau thời gian quy định tại điểm 3, Điều 1 Quyết định này mà hộ Ông(bà): Đinh Thị Rư không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện gửi tiền vào Ngân hàng với lãi suất không thời hạn. Nếu trường hợp này xảy ra, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ trì, phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện và UBND xã Sơn Long tham mưu cho UBND huyện các bước thủ tục cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Nông nghiệp và PTNT; Tài nguyên và Môi trường; Kinh tế và Hạ tầng; Ban Quản lý các dự án ĐT&XD huyện; Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Tây; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện; Chủ tịch UBND xã Sơn Long; hộ Ông(bà): Đinh Thị Rư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, PCT;
- CPVP, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Tùng

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Công trình: Khu tái định canh Anh Nhoi thuộc thủy điện Đakdrinh

Hạng mục: Khai hoang đồng ruộng và thủy lợi Ra Hân

Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: 135/QĐ-UBND ngày 10/01/2015 của UBND huyện Sơn Tây)

Họ và tên chủ hộ: Đinh Thị Rư

Địa chỉ: Xã Sơn Long, huyện Sơn Tây

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	B/thường g (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI (A1+A2)					515.356.800
A1	Bồi thường và hỗ trợ về đất:(I+II)	m2				515.356.800
	Đất sản xuất Nông Nghiệp (1+2+3)	m2	#####			120.278.200
2	Đất trồng cây lâu năm vị trí 1	m2	1.362,9	100%	19.000	25.895.100
3	Đất rừng sản xuất vị trí 1	m2	#####	100%	7.000	94.383.100
A2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (1+2+3)	m2	#####			395.078.600
2	Đất trồng cây lâu năm vị trí 1	m2	1.362,9	250%	19.000	64.737.750
3	Đất rừng sản xuất vị trí 1	m2	#####	350%	7.000	330.340.850
B	BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ CÂY CỎI, HOA MÀU					272.022.000
6	Cau chưa quả có chiều cao $\geq 2m$	cây	0	100%	80.000	0
7	Cau cho quả	cây	82	100%	180.000	14.760.000
20	Keo $1cm \leq D < 3cm$	cây	0	100%	15.000	0
32	Quế $3 cm \leq D < 4 cm$	cây	46	100%	80.000	3.680.000
42	Lồ Ô cây xanh chưa già	cây	0	100%	20.000	0
	Tổng cộng					787.378.800
	Làm tròn					787.379.000

Bảng chữ: Bảy trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng chẵn